

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2026 của UBND xã Bình Thành)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng), đất (m²)

| Đơn vị | Số cuộc kiểm tra thực hiện trong kỳ | | | | | Số cuộc kiểm tra đã thực hiện xong/ đã ban hành KL | Số tổ chức, cá nhân được kiểm tra | | Kiến nghị xử lý | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---------------|-------------------------------------|------------------------------------|-----------------------|---------------------|-----------------------|--|-----------------------------------|---|--------------------|-----------------------|-------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|------------------------------------|-----------------------|-------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|-------------------|-----------------------|-------------------|-----------------------|-------------------|-----------------------|----------------------|-------------------------|----|--|
| | Tổng số | Phân loại | | | | | | | Vi phạm về kinh tế | | | | | | | | | | Vi phạm hành chính | | | | | | Xử lý trách nhiệm | | | Chuyên cơ quan điều tra | | Hoàn thiện cơ chế, chính sách (số văn bản) |
| | | Triển khai từ kỳ trước chuyển sang | | Triển khai trong kỳ | | | | | Kiến nghị thu hồi | | | | Kiến nghị xử lý khác | | Số Quyết định xử phạt vi phạm hành | | | Bảng tiền | | | Tổng số | Tổ chức | Cá nhân | Vụ | Đối tượng | | | | | |
| | | Theo kế hoạch | Đột xuất | Theo Kế hoạch | Đột xuất | | | | Tổng số | | Về NSNN | | Về tổ chức, cá nhân | | Tiền (Triệu đồng) | Đất (m ²) | Tổng số | Tổ chức | Cá nhân | Tiền (Triệu đồng) | | | | | | Tổ chức (Triệu đồng) | Cá nhân (Triệu đồng) | | | |
| | | Tiền (Triệu đồng) | Đất (m ²) | Tiền (Triệu đồng) | Đất (m ²) | | | | Tiền (Triệu đồng) | Đất (m ²) | Tiền (Triệu đồng) | Đất (m ²) | Tiền (Triệu đồng) | Đất (m ²) | Tiền (Triệu đồng) | Đất (m ²) | Tiền (Triệu đồng) | Đất (m ²) | Tiền (Triệu đồng) | Đất (m ²) | Tiền (Triệu đồng) | Đất (m ²) | Tiền (Triệu đồng) | Đất (m ²) | Tiền (Triệu đồng) | Đất (m ²) | Tiền (Triệu đồng) | Đất (m ²) | | |
| MS | 1=2+3=4+5 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 8=10+16 | 9=11+17 | 10=12+14 | 11=13+15 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21=22+23 | 22 | 23 | 24=25+26 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 |
| Xã Bình Thành | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

Hướng dẫn cách ghi biểu:

- Biểu này là biểu tổng hợp về kiểm tra
- Cột (1) = Cột (2) + (3) = Cột (4) + (5)
- Cột (2): Số cuộc kiểm tra triển khai từ các kỳ báo cáo trước chuyển sang, chưa ban hành kết luận hoặc ban hành kết luận trong kỳ này
- Số liệu từ cột (7) đến cột (29) là số liệu tổng hợp từ các cuộc thanh tra đã thực hiện xong (nếu tại Cột (6))
- Cột (7), (8): Số tổ chức, cá nhân được kiểm tra
- Cột (8) = (10) + (16): Tổng số tiền vi phạm phát hiện qua kiểm tra gồm: tiền VND, ngoại tệ được quy đổi thành tiền VND theo tỉ giá của NHNN Việt Nam tại thời điểm kết luận thanh tra và tài sản quy thành tiền VND
- Cột (9) = (11) + (17): Tổng diện tích đất vi phạm phát hiện qua kiểm tra
- Cột (10) = (12) + (14): Tổng số tiền kiến nghị thu hồi
- Cột (11) = (13) + (15): Tổng số diện tích đất
- Cột (16): Số tiền kiến nghị xử lý khác (ngoài kiến nghị thu hồi, bao gồm: Xuất toán, loại khỏi giá trị quyết toán, miễn giảm tiền thuê đất...)
- Cột (17): Số diện tích đất kiến nghị xử lý khác (ngoài kiến nghị thu hồi, bao gồm: điều chỉnh mục đích sử dụng đất, bổ sung hồ sơ, hoàn thiện thủ tục, ...)
- Cột (21) = (22) + (23): Tổng số tiền xử lý vi phạm hành chính
- Cột (24) = (25) + (26): Xử lý trách nhiệm